

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 8633/BTC-KHTC

Hà Nội, ngày 18 tháng 6 năm 2025

V/v rà soát cơ sở nhà, đất của Bộ Tài
chính trên địa bàn các tỉnh: Lâm
Đông, Đắk Nông và Bình Thuận

Kính gửi:

- Ủy ban nhân dân các tỉnh: Lâm Đông, Đắk Nông, Bình Thuận;
- Viện kiểm soát nhân dân tối cao;
- Tòa án nhân dân tối cao;
- Bộ Tư pháp;
- Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

Thực hiện yêu cầu của Ban Nội chính Trung ương về việc giao Đảng ủy các Bộ, ngành ở Trung ương lãnh đạo, chỉ đạo cơ quan chức năng khẩn trương tiến hành rà soát, xử lý công trình, nhà đất là tài sản công khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính đảm bảo sử dụng, khai thác có hiệu quả, tránh lãng phí; rà soát các dự án, công trình, trụ sở đang xây dựng hoặc đã phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng chịu tác động bởi việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính theo chủ trương của Bộ Chính trị để tiếp tục thực hiện hoặc điều chỉnh dự án phù hợp với mục đích sử dụng, đảm bảo tiết kiệm, tránh thất thoát, lãng phí, Đoàn công tác 1805 của Bộ Tài chính đã có buổi làm việc tại tỉnh Bình Thuận ngày 16/6/2025 về việc rà soát các dự án, công trình, trụ sở đang xây dựng hoặc đã phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng chịu tác động bởi việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính tại các tỉnh: Lâm Đông, Đắk Nông, Bình Thuận sau khi sắp xếp.

Thực hiện ý kiến kết luận của Trưởng đoàn công tác 1805 và hướng dẫn tại điểm 1 Công văn số 8400/BTC-QLCS ngày 14/6/2025 của Bộ Tài chính, Bộ Tài chính dự kiến số cơ sở nhà, đất dôi dư, dự kiến phương án xử lý nhà, đất dôi dư và nhu cầu tiếp nhận nhà, đất của Bộ Tài chính từ các Bộ, cơ quan trung ương khác, địa phương tại thời điểm hiện tại.

(Số liệu chi tiết các cơ sở nhà, đất dôi dư - Đính kèm)

Bộ Tài chính tiếp tục rà soát các cơ sở nhà, đất theo cơ cấu tổ chức, bộ máy mới của các đơn vị thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính để kịp thời điều chỉnh phương án sắp xếp, xử lý cho phù hợp.

Đề nghị các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có ý kiến bằng văn bản gửi về Bộ Tài chính (Cục Kế hoạch - Tài chính) trước ngày **20/6/2025** để tổng hợp, xử lý.

Mong nhận được sự quan tâm, phối hợp của Quý Bộ, ngành, Ủy ban./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/cáo);
- Thứ trưởng Nguyễn Đức Tâm (để b/cáo);
- Thứ trưởng Bùi Văn Kháng (để biết);
- Cục QLCS (để p/hợp);
- Các đơn vị/Cục: Thuế, Hải quan, Dự trữ Nhà nước, Thống kê; Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm xã hội Việt Nam) (để p/hợp);
- Các thành viên Tổ công tác 1787 (để p/hợp);
- Lưu: VT, KHTC (03b).

**TL. BỘ TRƯỞNG
CỤC TRƯỞNG CỤC KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH**



Phạm Quang Toàn

Phụ lục số 07 F

BÁO CÁO VIỆC SẮP XẾP, XỬ LÝ CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT KHI SẮP XẾP TÌNH GỌN BỘ MÁY, SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Công văn số 8633/BTC-KHTC ngày 18/6/2025 của Bộ Tài chính)

Lâm Đồng

| A. Tổng quan về trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đến thời điểm báo cáo | Số lượng | ĐVT |
|--|-----------------|------------|
| 1. Tổng số lượng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (cơ sở) thuộc phạm vi quản lý: | 61 | cơ sở. |
| 2. Tổng số cơ sở tiếp tục sử dụng: | 55 | cơ sở. |
| 3. Tổng số cơ sở thực hiện điều hòa nội bộ (điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương): | 0 | cơ sở. |
| + Đã thực hiện điều hòa nội bộ (từ thời điểm sắp xếp các Bộ, Sở, ngành đến thời điểm báo cáo): | 0 | cơ sở. |
| + Dự kiến điều hòa nội bộ khi sắp xếp đơn vị hành chính 02 cấp: | 0 | cơ sở. |
| 4. Tổng số cơ sở dôi dư tính đến thời điểm báo cáo: | 6 | cơ sở. |
| 5. Nhu cầu tiếp nhận trụ sở từ Bộ, CQTW, địa phương khác: | 3 | cơ sở. |

B. Danh sách các cơ sở nhà, đất dôi dư tính đến thời điểm báo cáo

| Số TT | Địa chỉ | Thông tin cơ sở nhà, đất dôi dư | | | Đơn vị quản lý | Thông tin xử lý | | | | Nguồn gốc cơ sở nhà, đất (Cơ sở do CQTW chuyển giao, thu hồi của CQTW/ Cơ sở của địa phương) |
|------------|--|---------------------------------|---------------------------------|--|-----------------------|------------------------|--------------------------|--|-------------------------|--|
| | | Số lượng | Diện tích đất (m ²) | Diện tích sàn xây dựng (m ²) | | Đã có Quyết định xử lý | Chưa có Quyết định xử lý | Hình thức xử lý | Dự kiến thời gian xử lý | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| | TỔNG | 6 | 12.334,50 | 7.103,38 | | | 6 | | | |
| I | BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM | 1 | 1.863 | 874 | | | 1 | | | |
| 1 | Khu phố 3, thị trấn Madagui, huyện Đạ Huoai, tỉnh Lâm Đồng | 1 | 1.863 | 874 | BHXH huyện Đạ Huoai | | 1 | Chuyển giao | Năm 2025 | |
| II | CỤC THUẾ | 1 | 780 | 50 | | | 1 | | | |
| | Đội Thuế Lâm Hà - Đam Rông | 1 | 780 | 50 | | | 1 | | | |
| 1 | Trụ Sở Làm việc tại đội thuế số 1 (Tân Hà) | 1 | 780 | 50 | Chi cục Thuế KV. XIII | | 1 | Chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý | 2025 | Địa phương giao đất |
| III | CỤC THỐNG KÊ | 1 | 854 | 277,88 | | | 1 | | | |

| Số TT | Địa chỉ | Thông tin cơ sở nhà, đất dôi dư | | | Đơn vị quản lý | Thông tin xử lý | | | | Nguồn gốc cơ sở nhà, đất (Cơ sở do CQTW chuyển giao, thu hồi của CQTW/ Cơ sở của địa phương) |
|-----------|---|---------------------------------|--------------------|-----------------------------|----------------------------------|------------------------|--------------------------|--|-------------------------|--|
| | | Số lượng | Diện tích đất (m2) | Diện tích sàn xây dựng (m2) | | Đã có Quyết định xử lý | Chưa có Quyết định xử lý | Hình thức xử lý | Dự kiến thời gian xử lý | |
| 1 | Đường Nguyễn Thái Học Thị trấn MaDaGuoi, huyện Đạ Houai | 1 | 854,0 | 277,9 | Đội Thống kê số 6, tỉnh Lâm Đồng | | 1 | chuyển giao về địa phương quản lý, xử lý | Quý III/ 2025 | Do Địa phương giao đất |
| IV | CỤC HẢI QUAN | 1 | 3.682 | 1.898 | | | 1 | | | |
| 1 | Cơ sở nhà, đất tại số 206, đường Huỳnh Thúc Kháng, phường 2, TP. Bảo Lộc, tỉnh Lâm Đồng | 1 | 3.682 | 1.898 | Chi cục Hải quan khu vực XIV | | 1 | Chuyển giao về địa phương | | |
| V | KHO BẠC NHÀ NƯỚC | 2 | 5.155,50 | 4.003,50 | KBNN Khu vực 13 | | 2 | | | |
| 1 | KBNN Đam Rông - Thôn 1, Xã Rô Men, Huyện Đam Rông, Tỉnh Lâm Đồng | 1 | 2.905,50 | 2.905,50 | | | 1 | | | |
| 2 | KBNN Cát Tiên- Đường lô 2, Xã Phù Mỹ, Huyện Cát Tiên, Tỉnh Lâm Đồng | 1 | 2.250,00 | 1.098,00 | | | 1 | | | |

C. Nhu cầu tiếp nhận trụ sở từ Bộ, CQTW, địa phương khác

| STT | Địa bàn | Số lượng | Diện tích đất (m2) | Diện tích sàn xây dựng (m2) | Ghi chú |
|----------|--|----------|--------------------|-----------------------------|---|
| I | CỤC THỐNG KÊ | 3 | | | |
| 1 | Đội Thống kê số 1 tại thành phố Đà Lạt | 1 | 500 | 250 | * Lâm Đồng có nhu cầu trụ sở cho 03 đội và hiện nay các đội này đang ở toàn bộ trong liên cơ. Họ mong muốn được địa phương tiếp tục bố trí trong liên cơ, nếu địa phương không bố trí được mới có nhu cầu tiếp nhận từ bộ, ngành cơ quan khác với diện tích sàn cho 1 đội từ 250-350m2. * Để đảm bảo điều kiện làm việc khi sáp nhập tỉnh Lâm Đồng và tỉnh Đắk Nông, Bình Thuận, đề xuất được bố trí diện tích lưu trú cho công chức chuyển từ Đắk Nông, Bình Thuận đến Lâm Đồng để làm việc |
| 2 | Đội Thống kê số 3 tại huyện Lâm Hà | 1 | 500 | 250 | |
| 3 | Đội Thống kê số 4 tại huyện Đơn Dương | 1 | 500 | 250 | |

Phụ lục số 07 G

BÁO CÁO VIỆC SẮP XẾP, XỬ LÝ CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT KHI SẮP XẾP TÍNH GỌN BỘ MÁY, SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Công văn số 8633/BTC-KHTC ngày 18/6/2025 của Bộ Tài chính)

Đắk Nông

| A. Tổng quan về trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đến thời điểm báo cáo | Số lượng | ĐVT |
|--|-----------------|------------|
| 1. Tổng số lượng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (cơ sở) thuộc phạm vi quản lý: | 38 | cơ sở. |
| 2. Tổng số cơ sở tiếp tục sử dụng: | 33 | cơ sở. |
| 3. Tổng số cơ sở thực hiện điều hòa nội bộ (điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương): | 0 | cơ sở. |
| + Đã thực hiện điều hòa nội bộ (từ thời điểm sắp xếp các Bộ, Sở, ngành đến thời điểm báo cáo): | 0 | cơ sở. |
| + Dự kiến điều hòa nội bộ khi sắp xếp đơn vị hành chính 02 cấp: | 0 | cơ sở. |
| 4. Tổng số cơ sở dôi dư tính đến thời điểm báo cáo: | 5 | cơ sở. |
| 5. Nhu cầu tiếp nhận trụ sở từ Bộ, CQTW, địa phương khác: | 0 | cơ sở. |

B. Danh sách các cơ sở nhà, đất dôi dư tính đến thời điểm báo cáo

| Số TT | Địa chỉ | Thông tin cơ sở nhà, đất dôi dư | | | Đơn vị quản lý | Thông tin xử lý | | | | Nguồn gốc cơ sở nhà, đất (Cơ sở do CQTW chuyển giao, thu hồi của CQTW/ Cơ sở của địa phương) |
|-----------|---|---------------------------------|--------------------|-----------------------------|--------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------------------------|-------------------------|--|
| | | Số lượng | Diện tích đất (m2) | Diện tích sàn xây dựng (m2) | | Đã có Quyết định xử lý | Chưa có Quyết định xử lý | Hình thức xử lý | Dự kiến thời gian xử lý | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| | TỔNG | 5 | 10.832,00 | 3.856,36 | | | 5 | | | |
| I | BẢO HIỂM XÃ HỘI VIỆT NAM | 1 | 1.600,60 | 1.121,22 | | | 1 | | | |
| 1 | Phường Nghĩa Tân, thị xã Gia Nghĩa, Đắk Nông | 1 | 1.600,60 | 1.121,22 | BHXH tỉnh Đắk Nông | | 1 | Chuyển giao | Năm 2025 | |
| II | CỤC THUẾ | 1 | 275 | 107,34 | | | 1 | | | |
| | Địa bàn tỉnh Đắk Nông | 1 | 275 | 107,34 | | | 1 | | | |
| 1 | Nhà làm việc xã Quảng Khê Địa chỉ: Xã Quảng Khê, huyện Đắk Glong, Đắk Nông | 1 | 275 | 107,34 | Chi cục Thuế khu vực XIV | | 1 | Chuyển giao về địa phương quản lý | | |

| Số TT | Địa chỉ | Thông tin cơ sở nhà, đất dôi dư | | | Đơn vị quản lý | Thông tin xử lý | | | | Nguồn gốc cơ sở nhà, đất (Cơ sở do CQTW chuyển giao, thu hồi của CQTW/ Cơ sở của địa phương) |
|------------|--|---------------------------------|---------------------------------|--|------------------------|------------------------|--------------------------|-----------------|-------------------------|--|
| | | Số lượng | Diện tích đất (m ²) | Diện tích sàn xây dựng (m ²) | | Đã có Quyết định xử lý | Chưa có Quyết định xử lý | Hình thức xử lý | Dự kiến thời gian xử lý | |
| III | KHO BẠC NHÀ NƯỚC | 3 | 8.956,40 | 2.627,80 | KBNN Khu vực 14 | | 3 | | | |
| 1 | KBNN Tuy Đức Thôn 2 xã Đăk Buk So, huyện Tuy Đức, tỉnh Đăk Nông. | 1 | 5987,70 | 899,00 | | | 1 | | | |
| 2 | KBNN Đăk Song Thị trấn Đức An - huyện Đăk Song - tỉnh Đăk Nông | 1 | 1490,00 | 828,80 | | | 1 | | | |
| 3 | KBNN Krông Nô Thị trấn Đăk Mâm - huyện Krông Nô - tỉnh Đăk Nông | 1 | 1478,70 | 900,00 | | | 1 | | | |

Phụ lục số 07 A

BÁO CÁO VIỆC SẮP XẾP, XỬ LÝ CÁC CƠ SỞ NHÀ, ĐẤT KHI SẮP XẾP TÍNH GỌN BỘ MÁY, SẮP XẾP ĐƠN VỊ HÀNH CHÍNH

(Kèm theo Công văn số 8633 /BTC-KHTC ngày 18/6/2025 của Bộ Tài chính)

Bình Thuận

| A. Tổng quan về trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp đến thời điểm báo cáo | Số lượng | ĐVT |
|--|----------|--------|
| 1. Tổng số lượng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp (cơ sở) thuộc phạm vi quản lý: | 75 | cơ sở. |
| 2. Tổng số cơ sở tiếp tục sử dụng: | 41 | cơ sở. |
| 3. Tổng số cơ sở thực hiện điều hòa nội bộ (điều chuyển giữa các cơ quan, tổ chức, đơn vị trong phạm vi quản lý của Bộ, cơ quan trung ương, địa phương): | 0 | cơ sở. |
| + Đã thực hiện điều hòa nội bộ (từ thời điểm sắp xếp các Bộ, Sở, ngành đến thời điểm báo cáo): | 0 | cơ sở. |
| + Dự kiến điều hòa nội bộ khi sắp xếp đơn vị hành chính 02 cấp: | 0 | cơ sở. |
| 4. Tổng số cơ sở dôi dư tính đến thời điểm báo cáo: | 34 | cơ sở. |
| 5. Nhu cầu tiếp nhận trụ sở từ Bộ, CQTW, địa phương khác: | 3 | cơ sở. |

B. Danh sách các cơ sở nhà, đất dôi dư tính đến thời điểm báo cáo

| Số TT | Địa chỉ | Thông tin cơ sở nhà, đất dôi dư | | | Đơn vị quản lý | Thông tin xử lý | | | | Nguồn gốc cơ sở nhà, đất (Cơ sở do CQTW chuyển giao, thu hồi của CQTW/ Cơ sở của địa phương) |
|----------|---|---------------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|------------------------|--------------------------|--|-------------------------|--|
| | | Số lượng | Diện tích đất (m2) | Diện tích sàn xây dựng (m2) | | Đã có Quyết định xử lý | Chưa có Quyết định xử lý | Hình thức xử lý | Dự kiến thời gian xử lý | |
| (1) | (2) | (3) | (4) | (5) | (6) | (7) | (8) | (9) | (10) | (11) |
| | TỔNG | 34 | 26.275,30 | 11.196,84 | | | 34 | | | |
| I | CỤC THUẾ | 25 | 102,3 | 917,64 | | | 25 | | | |
| | Đội Thuế liên huyện Phan Thiết - Hàm Thuận | 6 | - | 196,00 | | | 6 | | | |
| 1 | Tổ Thuế Mũi Né (Đường Hồ Xuân Hương, phường Mũi Né, tp. Phan Thiết, tỉnh Bình Thuận (trong khuôn viên đất trụ sở cũ UBND phường)) | 1 | | 40,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 2 | Tổ Thuế Tân Thành (Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận) | 1 | | 24,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |

| Số TT | Địa chỉ | Thông tin cơ sở nhà, đất dôi dư | | | Đơn vị quản lý | Thông tin xử lý | | | | Nguồn gốc cơ sở nhà, đất (Cơ sở do CQTW chuyển giao, thu hồi của CQTW/ Cơ sở của địa phương) |
|-------|---|---------------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|------------------------|--------------------------|--|-------------------------|--|
| | | Số lượng | Diện tích đất (m2) | Diện tích sàn xây dựng (m2) | | Đã có Quyết định xử lý | Chưa có Quyết định xử lý | Hình thức xử lý | Dự kiến thời gian xử lý | |
| 3 | Tổ thuê Mường Mán (Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận) | 1 | | 40,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 4 | Tổ thuê xã Hàm Cường (Thị trấn Thuận Nam, Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận) | 1 | | 26,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 5 | Tổ thuê Hàm Kiệm (Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận) | 1 | | 26,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 6 | Tổ thuê Hàm Thạnh (Huyện Hàm Thuận Nam, Tỉnh Bình Thuận) | 1 | | 40,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| | Đội thuế liên huyện Bắc Bình - Tuy Phong | 7 | 0 | 278,64 | | | 7 | | | |
| 7 | Tổ thuê Phước Thê (Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận) | 1 | | 40,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 8 | Tổ thuê Hòa Phú (Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận) | 1 | | 40,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 9 | Tổ thuê xã Sông Lũy (Đường liên thôn, Xã Sông Lũy, Huyện Bắc Bình, Tỉnh Bình Thuận) | 1 | | 34,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 10 | Tổ thuê Vĩnh Hào (Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận) | 1 | | 27,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 11 | Tổ thuê Chí Công (Xã Chí Công, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận) | 1 | | 27,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 12 | Trạm buôn chuyển Chí Công (Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận) | 1 | | 24,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |

| Số TT | Địa chỉ | Thông tin cơ sở nhà, đất dôi dư | | | Đơn vị quản lý | Thông tin xử lý | | | | Nguồn gốc cơ sở nhà, đất (Cơ sở do CQTW chuyên giao, thu hồi của CQTW/ Cơ sở của địa phương) |
|-------|---|---------------------------------|--------------------|-----------------------------|---------------------|------------------------|--------------------------|--|-------------------------|--|
| | | Số lượng | Diện tích đất (m2) | Diện tích sàn xây dựng (m2) | | Đã có Quyết định xử lý | Chưa có Quyết định xử lý | Hình thức xử lý | Dự kiến thời gian xử lý | |
| 13 | Tổ Thuế Phan Rí Cửa (Thống Nhất, Thị trấn Phan Rí Cửa, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận) | 1 | | 86,64 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| | Đội thuế liên huyện Lagi - Hàm Tân - Đức Linh - Tánh Linh | 12 | 102,30 | 443,00 | | | 12 | | | |
| 14 | Tổ thuế Tân Minh (Thị trấn Tân Minh, huyện Hàm Tân) | 1 | | 24,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 15 | Tổ thuế xã Tân Thắng (Xã Tân Thắng, huyện Hàm Tân) | 1 | | 24,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 16 | Tổ thuế Bắc Ruộng (Xã Bắc Ruộng, Tánh Linh, Bình Thuận) | 1 | | 28,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 17 | Tổ Thuế Đức Tân (Măng Tố) (Xã Măng Tố, Tánh Linh, Bình Thuận) | 1 | | 28,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 18 | Tổ thuế Gia An (Đội QLT liên xã, thị trấn số 2) (Đội QLT liên xã, thị trấn số 2) (Xã Gia An, Tánh Linh, Bình Thuận) | 1 | | 28,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 19 | Tổ thuế xã Nam Chính (Xã Nam Chính, Đức Linh, Bình Thuận) | 1 | | 24,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 20 | Tổ thuế xã Sùng Nhơn (Xã Sùng Nhơn, Đức Linh, Bình Thuận) | 1 | | 150,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 21 | Tổ thuế xã Trà Tân (Xã Trà Tân, Đức Linh, Bình Thuận) | 1 | | 32,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |

| Số TT | Địa chỉ | Thông tin cơ sở nhà, đất dôi dư | | | Đơn vị quản lý | Thông tin xử lý | | | | Nguồn gốc cơ sở nhà, đất (Cơ sở do CQTW chuyển giao, thu hồi của CQTW/ Cơ sở của địa phương) |
|-----------|---|---------------------------------|--------------------|-----------------------------|------------------------|------------------------|--------------------------|--|-------------------------|--|
| | | Số lượng | Diện tích đất (m2) | Diện tích sàn xây dựng (m2) | | Đã có Quyết định xử lý | Chưa có Quyết định xử lý | Hình thức xử lý | Dự kiến thời gian xử lý | |
| 22 | Tổ thuế xã Vũ Hoà (Xã Vũ Hòa, Đức Linh, Bình Thuận) | 1 | | 37,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 23 | Trạm thu thuế xã Đa Kai (Xã Đa Kai, Đức Linh, Bình Thuận) | 1 | | 40,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 24 | Trạm Thu thuế Đức Phú (huyện Tân Linh, Tỉnh Bình Thuận) | 1 | | 28,00 | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | Dự kiến Thanh lý nhà, trả đất cho địa phương | 2025 | Đất mượn địa phương |
| 25 | Tổ thuế phường Phước Hội | 1 | 102,30 | | Chi cục Thuế KV. XV | | 1 | BTC đang đề nghị xác minh làm rõ nguồn gốc nhà để trình lại PA chuyển giao cho địa phương quản lý, xử lý | 2025 | Đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BY 617346, ngày 15/5/2015 |
| II | KHO BẠC NHÀ NƯỚC | 9 | 26.173,00 | 10.279,20 | KBNN Khu vực 12 | | 9 | | | |
| 1 | KBNN Bắc Bình (cũ): đường Hà Huy Tập, thị trấn Chợ Lầu, huyện Bắc Bình, tỉnh Bình Thuận | 1 | 1.227,30 | 682,90 | | | 1 | | | |
| 2 | KBNN Hàm Thuận Nam (cũ): thị trấn Thuận Nam, huyện Hàm Thuận Nam, tỉnh Bình Thuận | 1 | 1.133,90 | 1.090,60 | | | 1 | | | |
| 3 | KBNN Phú Quý (cũ) : thôn Quý Thạnh, xã Ngũ Phụng, huyện Phú Quý, tỉnh Bình Thuận | 1 | 2.081,40 | 2.762,10 | | | 1 | | | |
| 4 | KBNN Tân Linh (cũ): thị trấn Lạc Tân, huyện Tân Linh, tỉnh Bình Thuận | 1 | 1.077,00 | 634,40 | | | 1 | | | |

| Số TT | Địa chỉ | Thông tin cơ sở nhà, đất dôi dư | | | Đơn vị quản lý | Thông tin xử lý | | | | Nguồn gốc cơ sở nhà, đất (Cơ sở do CQTW chuyên giao, thu hồi của CQTW/ Cơ sở của địa phương) |
|-------|---|---------------------------------|--------------------|-----------------------------|----------------|------------------------|--------------------------|-----------------|-------------------------|--|
| | | Số lượng | Diện tích đất (m2) | Diện tích sàn xây dựng (m2) | | Đã có Quyết định xử lý | Chưa có Quyết định xử lý | Hình thức xử lý | Dự kiến thời gian xử lý | |
| 5 | KBNN La Gi (cũ): phường Tân An, thị xã Lagi, tỉnh Bình Thuận | 1 | 1.303,00 | 588,20 | | | 1 | | | |
| 6 | KBNN Tuy Phong: Đường Hai Bà Trưng - KP5, Thị trấn Liên Hương, Huyện Tuy Phong, Tỉnh Bình Thuận | 1 | 4.194,00 | 1.331,00 | | | 1 | | | |
| 7 | KBNN Hàm Thuận Bắc: QL 28, Thị trấn Ma Lâm, Huyện Hàm Thuận Bắc, Tỉnh Bình Thuận | 1 | 5.000,00 | 1.097,00 | | | 1 | | | |
| 8 | KBNN Hàm Tân: Đường trung tâm đô thị Tân Nghĩa, xã Tân Nghĩa, huyện Hàm Tân, tỉnh Bình Thuận | 1 | 5.503,00 | 996,00 | | | 1 | | | |
| 9 | KBNN Đức Linh: Thị trấn Võ Xu, Huyện đức Linh, Tỉnh Bình Thuận | 1 | 4.653,40 | 1.097,00 | | | 1 | | | |

C. Nhu cầu tiếp nhận trụ sở từ Bộ, CQTW, địa phương khác

| STT | Địa bàn | Số lượng | Diện tích đất (m2) | Diện tích sàn xây dựng (m2) | Ghi chú |
|----------|---|----------|--------------------|-----------------------------|---|
| 1 | CỤC THỐNG KÊ | 3 | | | |
| 1 | Đội Thống kê số 3 tại huyện Bắc Bình | 1 | 500 | 250 | Bình Thuận có nhu cầu trụ sở cho 03 đội và hiện nay các đội này đang ở toàn bộ trong liên cơ. Họ mong muốn được địa phương tiếp tục bố trí trong liên cơ, nếu địa phương không bố trí được mới có nhu cầu tiếp nhận từ bộ, ngành cơ quan khác với diện tích sàn cho 1 đội từ 250-350m2. |
| 2 | Đội Thống kê số 4 tại huyện Hàm Thuận Bắc | 1 | 500 | 250 | |
| 3 | Đội Thống kê số 5 tại thị xã La Gi | 1 | 500 | 250 | |



Ký bởi: BỘ TÀI CHÍNH
Cơ quan: 28 Trần Hưng Đạo
Thời gian ký: 19/05/2025 14:58:23 +07:00

BỘ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: ~~1787~~/QĐ-BTC

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH

**Thành lập Tổ công tác của Bộ Tài chính triển khai thực hiện
Kết luận của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương
về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực**

BỘ TRƯỞNG BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Luật Quản lý, sử dụng tài sản công số 15/2017/QH14 ngày 21/6/2017; Luật số 56/2024/QH15 ngày 29/11/2024 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán, Luật kế toán, Luật kiểm toán độc lập, Luật ngân sách nhà nước, Luật quản lý sử dụng tài sản công, Luật quản lý thuế thu nhập cá nhân, Luật dự trữ quốc gia, Luật xử lý vi phạm hành chính;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/NĐ-CP ngày 24/02/2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công; Nghị định số 114/2024/NĐ-CP ngày 15/9/2024 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 151/2017/NĐ-CP ngày 26/12/2017 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Căn cứ Nghị định số 03/2025/NĐ-CP ngày 01/01/2025 của Chính phủ quy định việc sắp xếp lại, xử lý tài sản công là nhà, đất;

Căn cứ Nghị định số 50/2025/NĐ-CP ngày 28/02/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng tài sản công;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Thành lập Tổ công tác của Bộ Tài chính triển khai thực hiện Kết luận của Thường trực Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, lãng phí, tiêu cực (sau đây gọi là Tổ công tác) gồm 21 ông (bà) có tên tại Danh sách Tổ công tác đính kèm Quyết định này do ông Phạm Quang Toàn, Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính làm Tổ trưởng.

Điều 2. Nhiệm vụ của Tổ công tác

1. Thực hiện điều phối việc rà soát, xử lý công trình, nhà đất là tài sản công khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy và rà soát dự án, công trình, trụ sở đang xây dựng hoặc đã phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng chịu tác động bởi việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, dự kiến phương án sắp xếp ở một địa bàn cụ thể theo nguyên tắc ưu tiên điều hòa bố trí nhà, đất giữa các đơn vị thuộc Bộ, điều chuyển các Bộ ngành chuyển giao địa phương (nơi có nhà, đất).

2. Trong quá trình thực hiện nhiệm vụ nếu phát hiện các vấn đề cần giải quyết liên quan đến việc rà soát, xử lý công trình, nhà đất là tài sản công khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy và rà soát dự án, công trình, trụ sở đang xây dựng hoặc đã phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng chịu tác động bởi việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, báo cáo Bộ giao đơn vị chuyên môn theo chức năng, nhiệm vụ tham mưu, báo cáo Bộ giải quyết theo thẩm quyền hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền để giải quyết.

3. Báo cáo Bộ Tài chính (Quản lý ngành) kết quả thực hiện nhiệm vụ, xem xét điều chỉnh, phân công nhiệm vụ hoặc kết thúc nhiệm vụ của Tổ công tác.

Điều 3. Trách nhiệm của Tổ công tác

1. Được sử dụng con dấu của Cục Kế hoạch - Tài chính (Bộ Tài chính) trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

2. Được đề nghị các đơn vị thuộc Bộ đề xuất nhu cầu tiếp nhận công trình, trụ sở, dự án để bố trí cho các đơn vị thuộc phạm vi quản lý của mình, đề xuất các cơ sở nhà, đất (toàn bộ hoặc một phần) dôi dư, các dự án có thể điều chuyển, chuyển giao cho các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương; được làm việc trực tiếp với các đơn vị chức năng của Bộ có liên quan để rà soát nhu cầu, hỗ trợ xây dựng phương án điều hòa giữa các đơn vị thuộc Bộ, phương án điều chuyển, chuyển giao cho các Bộ, cơ quan trung ương và địa phương.

3. Được thông tin bằng văn bản đến các đơn vị thuộc Bộ, các Bộ, cơ quan trung ương, địa phương có liên quan về nhu cầu tiếp nhận và khả năng điều chuyển, chuyển giao nhà, đất, dự án.

4. Tổ trưởng Tổ công tác: Chịu trách nhiệm ký các văn bản chung của Tổ công tác và các nội dung liên quan đến rà soát, xử lý công trình, nhà đất là tài sản công khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy và rà soát dự án, công trình, trụ sở đang xây dựng hoặc đã phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng chịu tác động bởi việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy của các đơn vị thuộc Bộ.

5. Tổ phó Tổ công tác: thực hiện theo chỉ đạo, phân công của Tổ trưởng Tổ công tác.

6. Thành viên Tổ công tác:

6.1. Đại diện các đơn vị quản lý Nhà nước (Cục Quản lý công sản, Vụ Đầu tư, Vụ Pháp chế): hướng dẫn các đơn vị chịu sự tác động lớn khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính của các đơn vị thuộc Bộ gặp khó khăn, vướng

mắc trong việc thực hiện xử lý các dự án, công trình, nhà, đất là tài sản công khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính (nếu có).

6.2. Đại diện các đơn vị chịu sự tác động lớn khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính của các đơn vị thuộc Bộ (Cục Thuế, Cục Hải quan, Cục Dự trữ Nhà nước, Cục Thống kê, Kho bạc Nhà nước, Bảo hiểm xã hội Việt Nam): thực hiện rà soát báo cáo công trình, nhà đất là tài sản công khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính và rà soát dự án, công trình, trụ sở đang xây dựng hoặc đã phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng chịu tác động bởi việc sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính.

6.3. Đại diện đơn vị chuyên môn của Cục Kế hoạch - Tài chính: đôn đốc, tổng hợp, tham mưu, đề xuất về việc xử lý các dự án, công trình, nhà, đất là tài sản công khi sắp xếp, tinh gọn bộ máy, đơn vị hành chính.

7. Tổ công tác tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 4. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký. Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính, Chánh Văn phòng và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan, các thành viên Tổ công tác tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này. / *ruu*

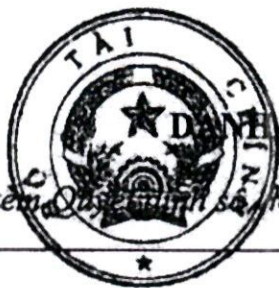
Nơi nhận:

- Như Điều 1;
- Bộ trưởng Nguyễn Văn Thắng (để b/c);
- Các Cục: Thuế, Hải Quan, Dự trữ Nhà nước, Thống kê, Quản lý công sản;
- KBNN, BHXH;
- Các Vụ: Đầu tư, Pháp chế;
- Lưu: VT, KHTC (22b). *r*

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỦ TRƯỞNG**



ruu
Nguyễn Đức Tâm



DANH SÁCH TỔ CÔNG TÁC

(Đính kèm Quyết định số 187/QĐ-BTC ngày 16/5/2025 của Bộ Tài chính)

| TT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ, ĐƠN VỊ | CHỨC DANH TỔ CÔNG TÁC |
|----|-------------------------|--|-----------------------|
| 1 | Ông Phạm Quang Toàn | Cục trưởng, Cục Kế hoạch - Tài chính | Tổ trưởng |
| 2 | Bà Tạ Thanh Tú | Phó Cục trưởng Cục Kế hoạch - Tài chính | Tổ phó |
| 3 | Ông Vũ Chí Hùng | Phó Cục trưởng Cục Thuế | Thành viên |
| 4 | Ông Nguyễn Thanh Dương | Phó Cục trưởng Cục Thống kê | Thành viên |
| 5 | Ông Lưu Mạnh Tường | Phó Cục trưởng Cục Hải quan | Thành viên |
| 6 | Ông Phạm Vũ Anh | Phó Cục trưởng Cục Dự trữ Nhà nước | Thành viên |
| 7 | Ông Nguyễn Quang Vinh | Phó Giám đốc Kho bạc Nhà nước | Thành viên |
| 8 | Ông Đào Việt Ánh | Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội Việt Nam | Thành viên |
| 9 | Bà Nguyễn Thị Quế Hương | Trưởng phòng Quản lý đầu tư ngành, Vụ Đầu tư | Thành viên |
| 10 | Ông Đào Vũ | Trưởng phòng Pháp chế tài chính ngân sách, phòng chống lãng phí, Vụ Pháp Chế | Thành viên |
| 11 | Bà Vũ Thị Hương | Trưởng phòng Tài sản, Cục Kế hoạch - Tài chính | Thành viên |
| 12 | Ông Phùng Đức Quang | Phó Trưởng Phòng Đầu tư xây dựng, Cục Kế hoạch - Tài chính | Thành viên |
| 13 | Bà Lê Thị Ngọc Lan | Phó Chánh Văn phòng Cục Quản lý công sản | Thành viên |

| TT | HỌ VÀ TÊN | CHỨC VỤ, ĐƠN VỊ | CHỨC DANH TỜ CÔNG TÁC |
|----|-------------------------|--|-----------------------|
| 14 | Ông Phạm Thanh Hải | Phó Trưởng Ban Ban Tài vụ, quản trị, Cục Thuế | Thành viên |
| 15 | Ông Nguyễn Văn Thụy | Phó Trưởng Ban Kế hoạch tài chính, Cục Thống kê | Thành viên |
| 16 | Ông Trịnh Tiến Dũng | Phó Trưởng Ban Tài vụ - Quản trị, Cục Hải quan | Thành viên |
| 17 | Ông Trần Thế Quân | Phó Trưởng Ban Tài chính và Quản lý hàng dự trữ, Cục Dự trữ Nhà nước | Thành viên |
| 18 | Bà Cao Thị Thu Hương | Phó Trưởng Ban Tài vụ - Quản trị, Kho bạc Nhà nước | Thành viên |
| 19 | Ông Phùng Quang Tuyên | Phó Trưởng Ban Tài chính - Kế toán, Bảo hiểm xã hội Việt Nam | Thành viên |
| 20 | Bà Nguyễn Thị Thu Hường | Chuyên viên Phòng Tài sản, Cục Kế hoạch - Tài chính | Thành viên |
| 21 | Ông Nguyễn Ngọc Tuấn | Chuyên viên Phòng Đầu tư xây dựng, Cục Kế hoạch - Tài chính | Thành viên |